

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7356 /BKHĐT-TH
V/v hướng dẫn thực hiện Chỉ thị
của TTCP về tăng cường quản lý
đầu tư từ NSNN và TPCP

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2011

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM	
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HÀ NỘI	
ĐẾN	Số:.....3.16.....
	Ngày: 09/11/2011
Chuyên: TCN CS (CPN)	

Kính gửi:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CSVN	
ĐẾN	Số: ...2011.....
	Ngày: 11/11/2011
Chuyên: TCN CS (CPN)	

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước

Căn cứ Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn Ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các đơn vị sử dụng vốn đầu tư từ NSNN và trái phiếu Chính phủ (dưới đây gọi tắt là các bộ, ngành và địa phương) việc triển khai thực hiện như sau:

I. VỀ MỘT SỐ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NSNN VÀ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Các bộ, ngành và địa phương thực hiện theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết thêm như sau:

1. Về quyết định phê duyệt dự án sử dụng vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ

Trong khi chưa sửa đổi phân cấp quản lý đầu tư, các bộ, ngành, địa phương tuân thủ đúng quy định hiện hành về quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư, gồm các dự án mới và dự án điều chỉnh quyết định đầu tư từ ngày 25 tháng 10 năm 2011 (dưới đây gọi tắt là quyết định đầu tư). Cụ thể:

- Các bộ, ngành, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án, công trình quan trọng quốc gia được Quốc hội thông qua chủ

trương đầu tư theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19/6/2010 của Quốc hội¹ và chương trình mục tiêu quốc gia.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc ủy quyền cho cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, C.

Trước khi phê duyệt quyết định đầu tư, các bộ, ngành và địa phương kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã phê duyệt, chỉ được quyết định đầu tư khi xác định rõ nguồn vốn thực hiện dự án và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách. Việc xác định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn là nội dung quan trọng, phải có trong hồ sơ dự án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư từ vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ (bao gồm: các dự án mới, các dự án điều chỉnh quyết định đầu tư từ ngày 25/10/2011 và các dự án đã phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày 25/10/2011 nhưng chưa được bố trí vốn)

a) Đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư việc thẩm định dự án thực hiện theo các quy định hiện hành.

b) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do các bộ, ngành Trung ương quản lý, các bộ, ngành Trung ương tự tổ chức thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối bảo đảm đủ vốn để hoàn thành: dự án nhóm B không quá 5 năm; dự án nhóm C không quá 3 năm.

c) Đối với các dự án có sử dụng vốn Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương và vốn trái phiếu Chính phủ:

Các bộ, ngành và địa phương tổ chức thẩm định dự án theo các quy định hiện hành. Riêng về nguồn vốn và phần vốn Ngân sách Trung ương bổ

¹ Các dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, gồm các dự án: (1) Tổng vốn đầu tư từ 35.000 tỷ đồng trở lên, trong đó vốn nhà nước từ 11.000 tỷ đồng trở lên; (2) Dự án, công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm: Nhà máy điện hạt nhân; Dự án, công trình sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 hecta (ha) trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 hecta (ha) trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 hecta (ha) trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 hecta (ha) trở lên; (3) Dự án, công trình sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 hecta (ha) trở lên; (4) Dự án, công trình phải di dân tái định cư từ hai mươi nghìn người trở lên ở miền núi, từ năm mươi nghìn người trở lên ở các vùng khác; (5) Dự án, công trình đầu tư tại địa bàn có di tích quốc gia có giá trị đặc biệt quan trọng về lịch sử, văn hóa; danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp quốc gia; (6) Dự án, công trình đầu tư tại địa bàn đặc biệt quan trọng đối với quốc gia về quốc phòng, an ninh; (7) Dự án, công trình đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

sung có mục tiêu cho địa phương và trái phiếu Chính phủ bố trí cho các dự án, sau khi các bộ, ngành, địa phương thẩm định dự án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định bảo đảm thực hiện theo đúng các nguyên tắc, chính sách hỗ trợ đầu tư và trong khả năng cân đối vốn Ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện dự án. Quy trình thẩm định quy định cụ thể như sau:

- Các bộ, ngành (đối với các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ) và địa phương (đối với các dự án sử dụng vốn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ) trước khi phê duyệt quyết định đầu tư phải gửi 2 bộ hồ sơ về Bộ Kế hoạch và Đầu tư và 1 bộ hồ sơ về Bộ Tài chính.

Hồ sơ thẩm định về nguồn vốn và phần vốn Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ gồm:

+ Báo cáo đề nghị thẩm định về nguồn vốn và phần vốn Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương, trái phiếu Chính phủ theo mẫu phụ lục số 1 (đối với dự án khởi công mới) và theo mẫu phụ lục số 2 (đối với các dự án phê duyệt quyết định đầu tư điều chỉnh từ ngày 25/10/2011). Trong đó giải trình thuyết minh chi tiết về dự kiến các nguồn vốn thực hiện dự án; phần vốn Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương, trái phiếu Chính phủ và từng nguồn vốn khác. Thuyết minh khả năng thu hồi vốn đầu tư, khả năng hoàn trả vốn vay và phương án hoàn trả vốn vay (nếu có). Dự kiến tiến độ bố trí các nguồn vốn theo từng năm để hoàn thành: dự án nhóm B không quá 5 năm; dự án nhóm C không quá 3 năm để làm căn cứ thẩm định khả năng bảo đảm phần vốn của ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ.

+ Các văn bản hoặc cơ sở pháp lý cho phép đầu tư dự án (nếu có).

+ Báo cáo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định của các bộ, ngành và địa phương, gửi văn bản xin ý kiến Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính có ý kiến tham gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, 7 ngày làm việc đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi ý kiến thẩm định cho các bộ, ngành và địa phương về nguồn vốn và phần vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu

cho địa phương, trái phiếu Chính phủ đầu tư cho dự án trong vòng 40 ngày làm việc đối với các dự án nhóm A, trong vòng 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, trong vòng 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định.

Trường hợp dự án phức tạp cần có thêm thời gian thẩm định hoặc cần xin ý kiến nhiều cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo cho các bộ, ngành và địa phương dự kiến thời gian trả lời ý kiến thẩm định.

d) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương² và các nguồn vốn hợp pháp khác do địa phương quản lý³ các cấp chính quyền địa phương tự tổ chức thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để bảo đảm dự án được bố trí vốn đúng nguồn, có đủ vốn để hoàn thành: dự án nhóm B không quá 5 năm; dự án nhóm C không quá 3 năm.

Căn cứ quy định tại điểm 2 này, các bộ, ngành, địa phương bổ sung quy định về quy trình và hồ sơ thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong hồ sơ thẩm định dự án của bộ, ngành, địa phương.

3. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc phê duyệt quyết định đầu tư và triển khai thực hiện các dự án sử dụng vốn NSNN của các bộ, ngành và vốn Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương và trái phiếu Chính phủ

a) Đối với các dự án phê duyệt quyết định đầu tư từ ngày 25/10/2011 trở đi

Căn cứ các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg và tổng số vốn kế hoạch hàng năm giao theo ngành, lĩnh vực và các chương trình mục tiêu, các bộ, ngành và địa phương quyết định đầu tư dự án theo thẩm quyền và theo hướng dẫn quy định tại điểm 1 và 2, mục I trên đây.

Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt quyết định đầu tư, các bộ, ngành và địa phương phải gửi quyết định đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đầu tư của các bộ, ngành, địa phương và trong quá trình kiểm tra việc thực hiện dự

² Ngân sách địa phương là vốn đầu tư trong cân đối của ngân sách địa phương được giao trong kế hoạch hàng năm, bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất.

³ Nguồn xổ số kiến thiết, các nguồn vốn có tính chất ngân sách nhà nước khác do địa phương quản lý hoặc các nguồn vốn địa phương tự huy động.

án của các bộ, ngành và địa phương, nếu phát hiện quyết định đầu tư dự án hoặc việc triển khai thực hiện dự án đầu tư không đúng các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg và các quy định hiện hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức đề các bộ, ngành, địa phương xem xét, điều chỉnh, sửa đổi. Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có ý kiến, các bộ, ngành, địa phương không điều chỉnh, sửa đổi thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ biện pháp xử lý.

b) Đối với các dự án mới đã phê duyệt hoặc dự án có quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư trước ngày 25/10/2011, nhưng chưa khởi công hoặc chưa thực hiện phần điều chỉnh tổng mức đầu tư, trước ngày 15/11/2011 phải gửi các quyết định đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, cho ý kiến về khả năng cân đối vốn Ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ.

4. Trách nhiệm và xử lý vi phạm trong việc xác định nguồn vốn và cân đối vốn các dự án đầu tư

Việc xác định nguồn vốn và cân đối vốn là nội dung quan trọng trong hồ sơ dự án và thẩm định dự án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những dự án được quyết định đầu tư mà không xác định rõ nguồn vốn, không bảo đảm cân đối vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ dẫn đến bố trí vốn dàn trải, thi công kéo dài, gây lãng phí, tổn thất thì người ký quyết định đầu tư phải chịu trách nhiệm về những lãng phí, tổn thất do việc phê duyệt quyết định đầu tư gây ra và phải xử lý nghiêm theo đúng các quy định của pháp luật. Đối với các dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định về nguồn vốn và phân vốn ngân sách Trung ương cho dự án đủ điều kiện bố trí vốn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ đảm bảo cân đối vốn để hoàn thành dự án theo quy định.

5. Từ năm 2012, không bố trí vốn ngân sách Trung ương và Trái phiếu Chính phủ cho các dự án đầu tư mới hoặc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư được quy định tại khoản c, điểm 2, mục I, nếu trong hồ sơ phê duyệt dự án không có ý kiến thẩm định chấp thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các dự án đầu tư quy định tại điểm 3, mục I, nếu không gửi các quyết định đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tất cả các dự án sử dụng vốn NSNN, trái phiếu Chính phủ chỉ được thực hiện khối lượng theo mức vốn kế hoạch được giao, để không gây nợ đọng xây dựng cơ bản. Trường hợp thật sự cần thiết phải bổ sung thêm vốn

ngoài kế hoạch được giao hoặc cần điều chuyển vốn trong nội bộ ngành, lĩnh vực và các chương trình mục tiêu, phải báo cáo cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn quyết định. Các bộ, ngành và địa phương tự cân đối các nguồn vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền.

Việc cấp phát và ứng chi vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ từ Kho bạc Nhà nước cho các dự án đầu tư (trong kế hoạch) phải căn cứ vào khối lượng thực hiện. Đối với dự án chưa có khối lượng thực hiện, việc tạm ứng vốn tối đa là 30% kế hoạch vốn được giao hàng năm của dự án. Việc cấp phát và ứng chi tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi thanh toán khối lượng hoàn thành.

II. VỀ TỔNG HỢP, GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ NSNN NĂM 2012

1. Nguyên tắc bố trí vốn NSNN

Việc bố trí vốn đầu tư cho các dự án sử dụng vốn NSNN, bao gồm đầu tư từ vốn Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương kế hoạch năm 2012 phải bảo đảm các nguyên tắc dưới đây:

a) Thực hiện theo đúng các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ và các quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015. *(Xin gửi kèm theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 các ngành, lĩnh vực và chương trình bổ sung có mục tiêu quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg liên quan đến việc bố trí vốn kế hoạch năm 2012 tại Phụ lục số 3).*

b) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư NSNN cho các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; giao thông; giáo dục, y tế; quốc phòng, an ninh; trong đó ưu tiên bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước.

c) Việc bố trí vốn NSNN cho các dự án trong từng ngành, lĩnh vực và từng chương trình bổ sung có mục tiêu thực hiện theo trật tự ưu tiên như sau:

- Tập trung bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và đã bàn giao, đưa vào sử dụng đến trước ngày 31/12/2011 nhưng chưa bố trí đủ vốn (*dưới đây gọi tắt là các dự án hoàn thành*), theo thứ tự ưu tiên: các dự án hoàn thành đến ngày 31/12/2010; các dự án hoàn thành từ 1/1/2011 đến ngày 31/10/2011; các dự án dự kiến hoàn thành từ ngày 1/11/2011 đến trước ngày 31/12/2011.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2012 (theo tiến độ ghi trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2012) và vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án.

- Số vốn còn lại (nếu có) bố trí cho một số dự án chuyển tiếp và một số dự án mới thật sự cần thiết. Đối với dự án mới phải có đủ các thủ tục đầu tư bao gồm: quyết định đầu tư, thiết kế cơ sở, tổng dự toán được phê duyệt trước ngày 25/10/2011. Mức vốn bố trí cho dự án mới năm 2012 phải bảo đảm nguyên tắc tổng số vốn bố trí cho từng dự án mới (gồm vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác⁴), so với tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt phải bảo đảm tối thiểu bằng 15% đối với dự án nhóm A; 20% đối với dự án nhóm B; 35% đối với dự án nhóm C.

- Việc bố trí vốn đầu tư đối với các dự án chuyển tiếp phải bảo đảm dự án nhóm B hoàn thành trong 5 năm, dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm.

d) Trong bố trí vốn ngân sách Trung ương cho dự án thuộc các ngành, lĩnh vực và vốn của Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương phải bảo đảm:

- Các dự án đã và đang được đầu tư từ các nguồn vốn này phải là các dự án trong kế hoạch đầu tư đã được duyệt hoặc trong các chương trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cho phép đầu tư.

- Các dự án khởi công mới phải là các dự án thật sự cần thiết, có đủ các thủ tục đầu tư theo quy định và phải báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép bố trí vốn kế hoạch năm 2012.

- Đối với các bộ, ngành ở Trung ương việc bố trí vốn cho từng dự án phải theo đúng ngành, lĩnh vực và chương trình được giao.

- Đối với các địa phương, các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương có thể bố trí thêm vốn đầu tư từ các nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện; các dự án sử dụng các nguồn vốn bổ

⁴ Các nguồn vốn hợp pháp khác:

- Đối với các bộ, ngành, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước là phần vốn huy động ngoài NSNN để đầu tư thực hiện dự án (NSNN không bố trí vốn để thanh toán các khoản huy động này).

- Đối với các địa phương là vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết, thu phí, lệ phí (không đưa vào NSNN), huy động trong dân; các nguồn vốn huy động khác của địa phương (Ngân sách Trung ương không bố trí vốn để thanh toán cho các khoản vốn này).

sung có mục tiêu cụ thể⁵ có thể lồng ghép thêm nguồn vốn của các chương trình bổ sung có mục tiêu phát triển các vùng và vốn bổ sung có mục tiêu để thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị đối với một số địa phương (trong biểu mẫu báo cáo đề nghị ghi rõ số vốn bổ sung có mục tiêu cho dự án từ các chương trình bổ sung có mục tiêu khác nhau tại cột ghi chú).

2. Rà soát, lập danh mục các dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ NSNN

Căn cứ các nguyên tắc nêu tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg và văn bản hướng dẫn này, các bộ, ngành và địa phương tiến hành rà soát, lập danh mục các dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ NSNN, nằm trong kế hoạch đầu tư đã được duyệt, Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư hoặc trong các chương trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

a) Danh mục các dự án hoàn thành đã bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2011, nhưng chưa bố trí đủ vốn, bao gồm:

- Danh mục các dự án hoàn thành đã bàn giao và đưa vào sử dụng đến ngày 31/10/2011.

- Danh mục các dự án dự kiến hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng từ ngày 1/11/2011 đến trước 31/12/2011.

b) Danh mục các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2012

Các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2012 căn cứ theo tiến độ ghi trong quyết định đầu tư, khả năng thực hiện trong năm 2012. Các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2012 phải có khối lượng hoàn thành so với tổng vốn đầu tư đến ngày 31/10/2011 đạt tối thiểu 80% đối với các dự án nhóm A; 75% đối với dự án nhóm B, 60% đối với dự án nhóm C.

c) Danh mục các dự án chuyển tiếp đang thực hiện dự kiến bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN kế hoạch năm 2012

d) Danh mục các dự án được đầu tư từ vốn NSNN nhưng không bố trí được vốn kế hoạch năm 2012, gồm:

- Danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi hình thức đầu tư hoặc bán, chuyển nhượng cho chủ đầu tư mới.

⁵ như chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông; khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền; nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư; chương trình di dân định canh, định cư; đầu tư phát triển kinh tế-xã hội tuyến biên giới; hạ tầng vùng ATK; tỉnh, huyện chia tách; vốn đối ứng các dự án ODA; các trung tâm giáo dục, lao động xã hội; các bệnh viện tuyến tỉnh; các dự án cấp bách;...

- Danh mục các dự án chuyển tiếp phải tạm dừng thực hiện năm 2012 do không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác và không huy động được các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Quy trình tổng hợp, bố trí vốn và giao kế hoạch

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo kèm theo văn bản này dự kiến mức vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách Nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương⁶ và ngân sách địa phương) kế hoạch năm 2012 của các bộ, ngành và địa phương.

a) Đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương

(1) Các bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các công việc sau:

- Rà soát, lập các danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí kế hoạch năm 2012 cho các dự án theo đúng các nguyên tắc quy định tại điểm 1, 2, mục II văn bản này.

- Việc bố trí vốn cho các dự án không vượt quá mức vốn Ngân sách Trung ương theo từng ngành, lĩnh vực, từng khoản bổ sung có mục tiêu đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Phụ lục số 4 kèm theo văn bản hướng dẫn này.

- Báo cáo đầy đủ các thông tin và tình hình thực hiện đối với từng dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo biểu mẫu:

+ Các bộ, ngành và cơ quan Trung ương biểu mẫu số 1, 2, 3.

+ Các địa phương biểu mẫu số 3, 4.

- Đối với các dự án hoàn thành đến ngày 31/10/2011, gửi kèm theo biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao dự án, công trình hoàn thành cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với các dự án khởi công mới (đã được phê duyệt trước ngày 25/10/2011), gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư: quyết định đầu tư, thiết kế cơ sở, tổng dự toán.

⁶ Chưa bao gồm vốn đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia (trừ đầu tư cho các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ), đầu tư kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển; đầu tư khu công nghiệp tại các địa phương; hạ tầng cụm công nghiệp các địa phương có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn; kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu. Vốn đầu tư các chương trình này Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ thông báo sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định.

(2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Nghị quyết của Quốc hội tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIII và dự kiến phương án phân bổ cụ thể của các bộ, ngành và địa phương, rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định danh mục các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới và mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch năm 2012 của từng bộ, ngành và địa phương phù hợp với các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg và văn bản hướng dẫn này; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho các bộ, ngành và địa phương tổng số vốn đầu tư từ Ngân sách Trung ương năm 2012 và danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách Trung ương.

(3) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2012 cho các bộ, ngành và địa phương theo ngành, lĩnh vực, từng khoản bổ sung có mục tiêu và mức vốn ngân sách trung ương cho từng dự án cụ thể.

b) Đối với các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách của địa phương, vốn xổ số kiến thiết và các nguồn vốn có tính chất ngân sách nhà nước

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012, căn cứ các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg và văn bản hướng dẫn này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức rà soát và dự kiến phương án bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, vốn xổ số kiến thiết (bao gồm cả danh mục các dự án khởi công mới) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo đúng các nguyên tắc quy định tại điểm 1, 2, mục II văn bản này, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

4. Xử lý đối với các dự án chuyển tiếp không bố trí được kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương năm 2012

Các dự án chuyển tiếp được bố trí vốn Ngân sách Trung ương từ kế hoạch năm 2011 trở về trước, nhưng kế hoạch năm 2012 không có vốn bố trí, các bộ, ngành và địa phương báo cáo đầy đủ các thông tin, tình hình thực hiện từng dự án theo quy định tại biểu mẫu số 5 (đối với các dự án do các bộ, ngành, cơ quan Trung ương quản lý) và biểu mẫu số 6 (đối với các dự án do địa phương quản lý) và phân loại để xử lý như sau:

Nhóm 1: Các dự án có khả năng chuyển đổi hình thức đầu tư hoặc bán, chuyển nhượng cho chủ đầu tư mới

Các bộ, ngành, địa phương dự kiến:

- Các dự án có khả năng chuyển đổi hình thức đầu tư, bao gồm các dự án có thể thu phí để hoàn vốn đầu tư, các dự án có thể thanh toán bằng quyền sử dụng đất, các dự án có thể bán hoặc chuyển nhượng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Kế hoạch tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn vào từng dự án chuyển đổi hình thức đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có hướng dẫn riêng về xử lý phần vốn Ngân sách Trung ương đã đầu tư vào từng dự án chuyển đổi hình thức đầu tư.

Nhóm 2: Các dự án chuyển tiếp chuyển sang bố trí bằng các nguồn vốn hợp pháp khác

Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác các bộ, ngành, địa phương chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

Nhóm 3: Các dự án chuyển tiếp không có vốn bố trí kế hoạch năm 2012, tạm dừng thực hiện trong năm 2012.

III. RÀ SOÁT DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ 4 NĂM 2012-2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012

1. Nguyên tắc rà soát, lập danh mục các dự án đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ và phân bổ, giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ 4 năm 2012-2015 và kế hoạch năm 2012 như sau:

Để đảm bảo khả năng cân đối và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài thời gian thi công, gây lãng phí, thất thoát, giảm hiệu quả đầu tư; việc bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 được thực hiện theo các nguyên tắc và quy trình như sau:

a) Không bổ sung thêm các dự án mới đầu tư từ trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch 2012-2015. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục các dự án đầu tư từ trái phiếu Chính phủ trong Nghị quyết 881/NQ-UBTVQH12 ngày 4/1/2010 và các dự án được bổ sung trong năm 2011⁷ tại Quyết định số 184/QĐ-TTg ngày 28/1/2011 về giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011 thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi, y tế, ký túc xá sinh viên tại các phụ

⁷ Không bao gồm các dự án khởi công mới không được triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/2/2011

lục kèm theo văn bản hướng dẫn này làm căn cứ để các bộ, địa phương rà soát.

b) Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào danh mục các dự án được đầu tư từ vốn trái phiếu Chính phủ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo và danh mục các dự án chuyển tiếp của chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, chịu trách nhiệm tổ chức rà soát và lập các danh mục dự án và nhu cầu vốn đầu tư từ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và năm 2012 theo thứ tự ưu tiên và danh mục các dự án không được bố trí vốn trái phiếu Chính phủ quy định tại điểm 2, 3, mục III văn bản này.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Căn cứ vào kết quả rà soát, sắp xếp các danh mục theo thứ tự ưu tiên bố trí vốn của các bộ, ngành và địa phương, Nghị quyết của Quốc hội về tổng mức vốn trái phiếu Chính phủ 4 năm 2012-2015 và năm 2012, xem xét, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và mức vốn bố trí cho từng dự án trong giai đoạn 2012-2015 và kế hoạch năm 2012 báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trình Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành, địa phương tổng mức vốn trái phiếu Chính phủ và danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và kế hoạch năm 2012.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành và địa phương danh mục và mức vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2012 của từng dự án cụ thể.

2. Rà soát, lập danh mục các dự án và dự kiến nhu cầu vốn của các dự án được tiếp tục bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và năm 2012

Các bộ và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án và dự kiến nhu cầu vốn của các dự án được tiếp tục bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và năm 2012 theo thứ tự ưu tiên dưới đây và báo cáo đầy đủ các thông tin theo biểu mẫu số 8 kèm theo văn bản này:

a) Các dự án đã hoàn thành và đã bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/10/2011 nhưng chưa bố trí đủ vốn và dự kiến nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2012.

b) Danh mục các dự án dự kiến hoàn thành từ 1/11/2011 đến trước ngày 31/12/2011 nhưng chưa bố trí đủ vốn và dự kiến nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2012.

- Các dự án dự kiến hoàn thành căn cứ theo tiến độ ghi trong quyết định đầu tư, khả năng thực hiện trong năm 2011.

- Dự án đã có khối lượng hoàn thành so với tổng mức đầu tư đến ngày 31/10/2011 đạt tối thiểu 90% đối với các dự án nhóm A; 80% đối với dự án nhóm B, 70% đối với dự án nhóm C.

c) Danh mục các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2012 và dự kiến nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2012.

- Các dự án dự kiến hoàn thành căn cứ theo tiến độ ghi trong quyết định đầu tư, khả năng thực hiện trong năm 2012.

- Dự án đã có khối lượng hoàn thành so với tổng mức đầu tư đến ngày 31/10/2011 đạt tối thiểu 80% đối với các dự án nhóm A; 75% đối với dự án nhóm B, 60% đối với dự án nhóm C.

d) Danh mục các dự án dự kiến hoàn thành năm 2013 và dự kiến nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ hoàn thành dự án và kế hoạch năm 2012.

- Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2013 xác định căn cứ theo tiến độ ghi trong quyết định đầu tư, khả năng thực hiện trong năm 2012 và năm 2013.

- Ưu tiên các dự án đã có khối lượng hoàn thành so với tổng mức đầu tư đến ngày 31/10/2011 đạt tối thiểu 70% đối với dự án nhóm A; 55% đối với dự án nhóm B và 35% tổng mức đầu tư đối với dự án nhóm C.

3. Xử lý đối với danh mục các dự án chuyển tiếp không bố trí được vốn trái phiếu Chính phủ trong giai đoạn 2012-2015

Các bộ, ngành và địa phương báo cáo đầy đủ các thông tin của từng dự án quy định tại biểu mẫu số 9 kèm theo văn bản này và phân loại, xử lý như sau:

a) Nhóm 1: Các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác

Các bộ và địa phương báo cáo:

- Các dự án có khả năng chuyển đổi hình thức đầu tư, bao gồm các dự án có thể thu phí để hoàn vốn đầu tư, các dự án có thể thanh toán bằng quyền sử dụng đất, các dự án có thể bán hoặc chuyển nhượng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Kế hoạch tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn vào từng dự án chuyển đổi hình thức đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có hướng dẫn riêng về việc chuyển đổi và xử lý phần vốn trái phiếu Chính phủ đã đầu tư cho từng dự án theo từng loại hình chuyển đổi hình thức đầu tư cụ thể.

b) Nhóm 2: Các dự án không có khả năng chuyển đổi hình thức đầu tư khác:

Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác, các bộ, địa phương chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện (kể cả việc bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện dự án).

c) Nhóm 3: Các dự án không chuyển đổi được hình thức đầu tư phải giãn tiến độ thực hiện sau năm 2015. Đối với các dự án này, ngoài các thông tin quy định tại biểu mẫu số 9, đề nghị báo cáo thêm nhu cầu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31/10/2011 theo Quyết định đầu tư ban đầu, Quyết định đầu tư quy định tại Nghị quyết số 881/NQ-UBTVQH12; Quyết định đầu tư điều chỉnh, trong đó: ghi rõ phần vốn tăng thêm do điều chỉnh chính sách, như giải phóng mặt bằng, giá vật liệu, tiền công,...; không bao gồm phần vốn điều chỉnh do tăng quy mô dự án.

IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện theo đúng các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ và các hướng dẫn trong văn bản này.

2. Đối với dự kiến kế hoạch vốn đầu tư từ vốn NSNN của các bộ, ngành và vốn Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương năm 2012.

Trước ngày 15/11/2011 các bộ, ngành, địa phương phải gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn tại văn bản này và các tài liệu liên quan sau:

a) Dự kiến danh mục dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương năm 2012 theo quy định tại điểm 1, 2, mục II nêu trên:

- Các bộ, ngành cơ quan Trung ương báo cáo theo các biểu mẫu số 1, 2, 3 kèm theo văn bản này.

- Các địa phương báo cáo theo biểu mẫu 3, 4 kèm theo văn bản này.

Đối với các dự án hoàn thành trước ngày 31/10/2011 gửi kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao và quyết toán dự án (đối với các dự án hoàn thành từ năm 2010 trở về trước).

Đối với các dự án khởi công mới nêu rõ sự cần thiết phải khởi công mới trong năm 2012, kèm theo quyết định đầu tư, thiết kế cơ sở, tổng dự toán được duyệt trước ngày 25/10/2011; dự kiến tổng mức vốn, trong đó nêu rõ mức vốn Ngân sách Trung ương sẽ bố trí cho dự án trong tổng mức đầu tư đã phê duyệt.

b) Danh mục các dự án chuyển tiếp có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác hoặc tạm dừng thực hiện năm 2012 quy định tại khoản d, điểm 2, mục II nêu trên:

- Các bộ, ngành cơ quan Trung ương báo cáo theo biểu mẫu số 5 kèm theo văn bản này.

- Các địa phương báo cáo theo biểu mẫu số 6 kèm theo văn bản này.

3. Đối với vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương, vốn xỏ số kiến thiết kế hoạch năm 2012, căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về giao dự toán NSNN năm 2012, gửi báo cáo về tổng hợp phương án phân bổ các nguồn vốn và báo cáo theo biểu mẫu số 7 kèm theo văn bản này về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/12/2011.

4. Đối với việc rà soát các danh mục dự án và dự kiến nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ, trước ngày 30/11/2011 các bộ, địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo về kết quả rà soát và dự kiến nhu cầu vốn kế hoạch năm 2012-2015 và kế hoạch 2012 và các tài liệu liên quan gồm:

a) Dự kiến danh mục dự án và nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ năm 2012 theo quy định tại điểm 1, 2, mục III nêu trên (theo biểu mẫu số 8 kèm theo văn bản này); danh mục các dự án chuyển đổi hình thức đầu tư, giãn, hoãn tiến độ thực hiện theo quy định tại điểm 3, mục III nêu trên (theo biểu mẫu số 9 kèm theo văn bản này).

b) Đối với các dự án hoàn thành đã đi vào sử dụng gửi kèm theo biên bản nghiệm thu, bàn giao và quyết toán dự án (đối với các dự án hoàn thành từ năm 2010 trở về trước).

Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương; ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước triển khai thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định tại văn bản hướng dẫn này và gửi báo cáo theo quy định tại điểm 2, 3, 4, mục IV văn bản này về Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng đường văn bản (2 bản) và qua thư điện tử địa chỉ thktqd@mpi.gov.vn.

Do việc triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trong thời gian rất gấp, nhiều nội dung yêu cầu đổi mới, trong quá trình triển khai thực hiện đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để quán triệt và thực hiện đúng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; xử lý kịp thời các vướng mắc; xây dựng và giao kế hoạch vốn đầu tư từ NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ bảo đảm tập trung, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của Nhà nước theo đúng Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng CP;
- VPCP;
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (5 bản).



Bùi Quang Vinh

Phụ lục số 1

Tên địa phương
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ PHÂN VỐN
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**
(Áp dụng cho các dự án sử dụng vốn NSTW của các địa phương)

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính

- Căn cứ các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và TPCP;

- Các căn cứ pháp lý khác (*Thuyết minh rõ dự án được thực hiện theo Chiến lược, quy hoạch đã được cấp nào phê duyệt, ghi rõ số quyết định phê duyệt, cấp phê duyệt; kèm theo văn bản cho phép đầu tư (nếu có).*)

Bộ (ngành, địa phương) đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và phân vốn ngân sách Trung ương của dự án đầu tư với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư dự án:
6. Nội dung và quy mô đầu tư dự án:
7. Địa điểm thực hiện dự án:
8. Thời gian thực hiện dự án:
(Bao gồm thời gian khởi công và hoàn thành, phân kỳ thực hiện nếu có)
9. Diện tích sử dụng đất:
10. Loại, cấp công trình:
11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

13. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Ngân sách Trung ương:
- Ngân sách địa phương:
- Các nguồn vốn khác (ghi cụ thể từng nguồn vốn):

14. Tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án:

Phân kỳ khả năng cân đối vốn và thời gian thực hiện dự án (tùy theo dự án thuộc nhóm A/B/C dự kiến khả năng cân đối vốn sẽ theo các thời gian khác nhau):

Năm	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn NSDP	Nguồn vốn khác (ghi cụ thể từng nguồn vốn)	
				
- Năm thứ nhất				
- Năm thứ 2				
- Năm thứ 3				
- Năm thứ				

15. Hình thức quản lý dự án:

16. Các nội dung khác và tài liệu thuyết minh về dự án gửi kèm theo:

Thuyết minh về hiệu quả đầu tư của dự án.

Đối với dự án có thu hồi vốn, cần phân tích thêm và thuyết minh về khả năng thu hồi vốn đầu tư, khả năng hoàn trả vốn vay, phương án hoàn trả vốn vay, thời hạn hoàn trả vốn (nếu có).

Phân tích làm rõ hiệu quả của dự án đối với phát triển kinh tế của ngành, vùng và địa phương; hiệu quả về mặt xã hội và đời sống của nhân dân trong vùng ảnh hưởng của dự án.

Bộ (ngành, địa phương) đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cho ý kiến thẩm định về nguồn vốn và phần vốn ngân sách Trung ương của dự án./.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu:

Phụ lục số 2

**Tên Bộ, ngành, địa
phương**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ PHÂN VỐN CÁC DỰ ÁN
SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG,
TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
(Áp dụng cho các dự án sử dụng vốn NSTW của các địa phương
và các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ)**

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính

- Căn cứ các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và TPCP;

- Căn cứ

Bộ (ngành, địa phương) đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định điều chỉnh nguồn vốn và phân vốn ngân sách Trung ương/trái phiếu Chính phủ của dự án đầu tư với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Dự án được phê duyệt tại Quyết định đầu tư số:, ngày tháng năm

Trường hợp dự án đã phê duyệt nhiều lần ghi rõ đầy đủ các quyết định đầu tư đã được phê duyệt.

4. Số vốn đầu tư đã bố trí thực hiện dự án tới thời điểm báo cáo theo từng nguồn vốn cụ thể:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Ngân sách Trung ương/Trái phiếu Chính phủ:
- Các nguồn vốn khác (ghi rõ từng nguồn vốn):
- 5. Tổ chức tư vấn lập dự án điều chỉnh (nếu có):
- 6. Mục tiêu đầu tư dự án điều chỉnh (nếu có):

Nêu rõ so với quyết định đầu tư ban đầu có những điều chỉnh gì.

7. Nội dung và quy mô đầu tư dự án điều chỉnh so với quyết định ban đầu:

Ghi rõ điều chỉnh tăng/giảm nội dung và quy mô so với quyết định đầu tư ban đầu; lý do tăng/giảm nội dung và quy mô đầu tư; tăng/giảm do yếu tố giá cả; tăng/giảm do các yếu tố khác.

8. Địa điểm thực hiện dự án điều chỉnh (nếu có):

9. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh (nếu có):

Bao gồm thời gian khởi công và hoàn thành, phân kỳ thực hiện điều chỉnh so với quyết định đầu tư ban đầu.

10. Diện tích sử dụng đất điều chỉnh (nếu có):

Nêu rõ so với quyết định đầu tư ban đầu có những điều chỉnh gì.

11. Loại, cấp công trình điều chỉnh (nếu có):

Nêu rõ so với quyết định đầu tư ban đầu có những điều chỉnh gì.

12. Thiết bị công nghệ điều chỉnh (nếu có):

Nêu rõ so với quyết định đầu tư ban đầu có những điều chỉnh gì.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư điều chỉnh (nếu có):

Nêu rõ so với quyết định đầu tư ban đầu có những điều chỉnh gì.

14. Tổng mức đầu tư của dự án điều chỉnh:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

Nêu rõ phần điều chỉnh tăng/giảm nội dung và quy mô so với quyết định đầu tư ban đầu; tăng/giảm do yếu tố giá cả; tăng/giảm do các yếu tố khác đối với từng khoản chi phí.

15. Nguồn vốn đầu tư điều chỉnh:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Ngân sách Trung ương/Trái phiếu Chính phủ điều chỉnh:

- Các nguồn vốn khác (ghi cụ thể từng nguồn vốn):

16. Tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án:

Phân kỳ khả năng cân đối vốn và thời gian thực hiện dự án đối với việc điều chỉnh quyết định đầu tư (tùy theo dự án thuộc nhóm A/B/C dự kiến khả năng cân đối vốn còn thiếu sẽ theo các thời gian khác nhau):

Năm	Nguồn vốn NSTW	Nguồn vốn TPCP	Nguồn vốn khác (ghi cụ thể từng nguồn vốn)	
				
- Năm				
- Năm				
- Năm				
- Năm				

17. Hình thức quản lý dự án:

18. Các nội dung khác và tài liệu thuyết minh về dự án gửi kèm theo:

Bộ (ngành, địa phương) đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cho ý kiến thẩm định về nguồn vốn và phần vốn ngân sách Trung ương/trái phiếu Chính phủ điều chỉnh của dự án./.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu:

Phụ lục 3

TRÍCH MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ VỐN NSNN NĂM 2012

**QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 60/2010/QĐ-TTG NGÀY 30/9/2011
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ
VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

(Phụ lục kèm theo văn bản số 7356/BKHĐT-TH ngày 28/10/2011)

I. CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của các ngành, lĩnh vực dưới đây:

1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án thủy lợi, đê điều và phòng chống lụt bão; các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản; cơ sở vật chất phục vụ quản lý nhà nước về cây trồng, vật nuôi và dịch hại, bảo vệ và phát triển rừng; hạ tầng nuôi trồng thủy sản, tránh trú bão cho tàu thuyền, cảng cá, các khu bảo tồn thủy sản biển và bảo tồn thủy sản nội địa.

2. Công nghiệp: đầu tư trong lĩnh vực khai thác dầu khí (đầu tư trở lại cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam); các khu kinh tế ven biển và hạ tầng khu công nghiệp; mạng lưới điện vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư sản xuất năng lượng tái tạo; sản phẩm trọng điểm quốc gia.

3. Giao thông vận tải: xây dựng và nâng cấp các công trình, dự án giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không.

4. Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án cấp, thoát nước, xử lý chất thải.

5. Kho tàng: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình thuộc hệ thống kho tàng, bến bãi lưu giữ hàng dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

6. Văn hóa: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án bảo tồn, bảo tàng, điện ảnh, thư viện.

7. Thể thao: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao.

8. Thông tin và truyền thông: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc; các công trình viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh và các dự án cụ thể được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

9. Khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, như: xây dựng mới, nâng cấp, đầu tư chiều sâu các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các trạm trại thực nghiệm; xây dựng và cải tạo các công trình công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu và xây dựng công thông tin.

10. Giáo dục và đào tạo: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án hạ tầng cho các cấp giáo dục và đào tạo mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học.

11. Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm: xây dựng và cải tạo các công trình dự án bệnh viện, trung tâm y tế, phòng kiểm nghiệm của cơ quan quản lý chất lượng quốc gia.

12. Xã hội: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe; cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác.

13. Tài nguyên và môi trường: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo, đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước, các công trình quan trắc cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường.

14. Quản lý nhà nước: xây dựng và cải tạo trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

15. Quốc phòng, an ninh: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

II. VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (Trích nội dung các chương trình bổ sung có mục tiêu từ NSTW có trong dự kiến kế hoạch 2012)

1. Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ; Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Đồng bằng Sông Hồng; Tây Nguyên; Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2011 - 2015

Đối tượng đầu tư:

- Theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ cho các vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; vùng Đồng bằng Sông Hồng; vùng Tây Nguyên; vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong giai đoạn 2011 - 2015 và các công trình chuyển tiếp của các chương trình: hạ tầng chợ, hạ tầng làng nghề; hỗ trợ đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng và các công trình văn hoá; hỗ trợ đầu tư phủ sóng phát thanh truyền hình ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, miền Trung; hỗ trợ các dự án thể thao do địa phương quản lý; hỗ trợ đầu tư các trường đại học có quy mô lớn do địa phương quản lý; các trung tâm giáo dục quốc phòng.

- Đối với chương trình phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên, bao gồm hỗ trợ các huyện giáp Tây Nguyên.

2. Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang và nâng cấp hệ thống đê sông

Thực hiện các Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2006 về Phê duyệt Chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển hiện có tại các tỉnh có đê từ Quảng Ninh đến Quảng Nam; Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2009 về việc phê duyệt Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang và Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2009 phê duyệt Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông đến năm 2020.

a) Nguyên tắc hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương:

- Đối với các dự án củng cố, nâng cấp đê biển: chỉ bố trí các khoản hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương thực hiện chương trình cho các địa phương từ Quảng Ninh đến Kiên Giang.

- Đối với chương trình nâng cấp, củng cố hệ thống đê sông: chỉ bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu cho các dự án của 18 tỉnh, thành phố là: Hòa Bình, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, Hà Nam, Nam Định,

Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Đồng Tháp đã được phê duyệt tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2009.

- Chỉ bố trí vốn đầu tư cho các dự án nằm trong quy hoạch, đã hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định. Ngân sách trung ương không bố trí vốn cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và các giải pháp phi công trình các dự án đê biển, đê sông của địa phương.

- Các dự án bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch phòng, chống lũ và đề điều của hệ thống sông, biển đã được phê duyệt, có đầy đủ các thủ tục đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình xung yếu cấp bách, xử lý dứt điểm những trọng điểm xung yếu về nền đê, thân đê, phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu; các công trình đang xây dựng dở dang.

- Ưu tiên hỗ trợ các công trình cấp bách bảo vệ đê cửa sông, nếu xảy ra sự cố thì phạm vi ảnh hưởng rộng, thiệt hại lớn.

- Ưu tiên hỗ trợ các công trình cấp bách bảo vệ hệ thống đê Trung ương, nếu xảy ra sự cố thì phạm vi ảnh hưởng rộng, thiệt hại lớn.

- Tập trung các nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu để xây dựng các công trình đê biển thành một hệ thống khép kín, đảm bảo việc ngăn mặn, thoát lũ, phục vụ cấp thoát nước và các mục tiêu liên quan khác, đảm bảo an sinh và phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương ven biển.

- Vốn hỗ trợ có mục tiêu thực hiện các dự án phải lồng ghép từ các chương trình, dự án liên quan khác trên địa bàn như: chương trình tuyến đường giao thông ven biển, tuyến đường quốc phòng ven biển và chương trình biên Đông - Hải đảo.

b) Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách trung ương.

- Đối với các tỉnh, thành phố có điều tiết về ngân sách trung ương, mức hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng mức đầu tư (không bao gồm các khoản chi phí giải phóng mặt bằng và các giải pháp phi công trình)/dự án.

- Đối với các tỉnh nhận bổ sung trong cân đối từ ngân sách trung ương mức hỗ trợ tối đa không quá 90% tổng mức đầu tư (không bao gồm các khoản chi phí giải phóng mặt bằng và các giải pháp phi công trình)/dự án.

3. Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản

Thực hiện theo Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2009 thời gian thực hiện đến năm 2020.

a) Đối tượng đầu tư và hỗ trợ đầu tư: các cơ quan quản lý, nghiên cứu và sản xuất giống thuộc các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các trung tâm giống cấp 1, 2 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Nội dung đầu tư:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng các Trung tâm giống quốc gia, các Trung tâm giống vùng, các Trung tâm giống cấp tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cơ sở bảo quản, chế biến,... cho một số vùng sản xuất giống trọng điểm.

- Cơ sở vật chất sản xuất giống gốc, giống siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng, cây đầu dòng, giống cụ kỵ, giống ông bà, đàn hạt nhân, vườn giống, rừng giống, giống thủy sản.

- Cơ sở vật chất cho hệ thống quản lý, kiểm soát chất lượng giống.

c) Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương:

- Các dự án phải thuộc danh mục các trung tâm giống, vùng sản xuất giống trọng điểm trong quy hoạch hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản đã được phê duyệt.

- Các dự án đầu tư được duyệt theo tiêu chuẩn của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Các dự án phải có đầy đủ thủ tục đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình, dự án chuyên tiếp.

d) Mức vốn đầu tư:

- Bố trí 100% vốn cho các công trình, dự án do Trung ương quản lý.

- Đối với các tỉnh, thành phố có điều tiết về ngân sách trung ương, mức hỗ trợ tối đa không quá 30% tổng mức đầu tư/dự án.

- Đối với các tỉnh nhận bổ sung trong cân đối từ ngân sách trung ương mức hỗ trợ tối đa không quá 90% tổng mức đầu tư/dự án.

4. Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền

Thực hiện theo Quyết định số 288/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

a) Mục tiêu và hạng mục đầu tư:

- Từ nay đến năm 2015, ngân sách trung ương tập trung đầu tư hoàn thành 9 khu trú bão cấp vùng và hỗ trợ đầu tư một số khu trú bão địa phương.
- Thực hiện bố trí vốn hỗ trợ đầu tư theo 4 hạng mục: nạo vét luồng vào (bao gồm cả vận tải và kê tạm nơi đổ đất cát nạo vét); xây dựng đê chắn sóng, chắn cát; trụ neo, phao neo; hệ thống đèn tín hiệu.

b) Nguyên tắc hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương:

- Chỉ bố trí vốn đầu tư cho các dự án nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định.
- Ưu tiên bố trí vốn trước hết cho các công trình dở dang có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch.
- Ưu tiên bố trí vốn cho các tỉnh thuộc Vịnh Bắc Bộ để thực hiện Hiệp định đánh cá chung Việt Nam - Trung Quốc.
- Ưu tiên bố trí vốn cho các tỉnh có lượng tàu đánh bắt hải sản lớn, khu vực gần ngư trường trọng điểm và khu vực có tần suất bão cao.
- Mỗi địa phương chỉ bố trí vốn triển khai từ 1 đến 2 công trình trong năm kế hoạch.
- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các địa phương cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương tham gia xây dựng 4 hạng mục nói trên.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ vốn:

- Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ các công trình trú bão cấp vùng tối đa 100 tỷ đồng/công trình, cấp tỉnh tối đa 80 tỷ đồng/công trình. Phần còn lại địa phương tự cân đối bằng nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác cùng tham gia.
- Đối với các công trình ở các đảo xa, nhạy cảm về quốc phòng an ninh ngân sách trung ương đầu tư 100%, kể cả các hạng mục thiết yếu khác ngoài 4 hạng mục nói trên.

5. Nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư

Thực hiện theo Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

a) Nguyên tắc hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương:

- Dự án phải nằm trong danh mục các đảo xây dựng công trình cấp nước ngọt và công trình thủy lợi tại Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ưu tiên thực hiện tại các đảo lớn, có đông dân cư sinh sống hoặc có vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh chủ quyền vùng biển.

b) Đối tượng hỗ trợ đầu tư là các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp các hệ thống thủy lợi, hồ chứa nước, các bể chứa nước tập trung, công trình kè bảo vệ những nơi xung yếu của đảo.

c) Mức vốn hỗ trợ:

- Hỗ trợ tối đa không quá 30% tổng mức đầu tư/dự án đối với các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương.

- Hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư/dự án đối với các tỉnh nhận bổ sung trong cân đối từ ngân sách trung ương có tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên chi ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 50%.

- Hỗ trợ tối đa không quá 90% tổng mức đầu tư/dự án đối với các tỉnh nhận bổ sung trong cân đối từ ngân sách trung ương có tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên chi ngân sách nhà nước trên địa bàn dưới 50%.

6. Đầu tư cho 62 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008.

Các địa phương phân bổ các khoản hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các công trình, dự án, chế độ, chính sách phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước chỉ bố trí: các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các chế độ, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

- Các công trình, dự án, chế độ, chính sách phục vụ mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nằm trong Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; các công trình, dự án đầu tư phải đáp ứng đầy đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

- Bố trí vốn tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư, ưu tiên bố trí cho các công trình, dự án trực tiếp phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất; các công trình, dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch; đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm; không bố trí vốn cho các dự án khi chưa xác định được rõ nguồn vốn. Phải bố trí đủ vốn để thanh toán các khoản nợ và ứng trước năm kế hoạch.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương; tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác; bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

7. Chương trình di dân định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2009 về việc phê duyệt kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012.

Nguyên tắc hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương:

- Căn cứ vào khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm.
- Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nguyên tắc và chính sách hỗ trợ đã được quy định tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

8. Chương trình bố trí di dân, định canh, định cư

Thực hiện theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến hết năm 2015.

a) Nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006.

- Chỉ hỗ trợ vốn cho các tỉnh nghèo, nguồn thu ngân sách nhà nước thấp.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương:

- Các tỉnh miền núi phía Bắc mức hỗ trợ không quá 90% trên tổng mức đầu tư của dự án.

- Các tỉnh Khu 4 cũ, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên mức hỗ trợ không quá 70% trên tổng mức đầu tư của dự án.

- Các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long mức hỗ trợ không quá 50% trên tổng mức đầu tư của dự án.

9. Chương trình Biển Đông - Hải đảo

a) Nguyên tắc bố trí các khoản hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương thực hiện chương trình Biển Đông - Hải đảo:

- Bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế biển do lãnh đạo Đảng, Nhà nước giao cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

- Các dự án phải nằm trong quy hoạch của cả nước, của vùng, tỉnh, thành phố và phù hợp với quy hoạch của ngành.

- Tập trung đầu tư cho các địa phương có các huyện đảo, xã đảo, các đảo có dân, các đảo cần đưa dân ra sinh sống để phát triển sản xuất, làm chủ đảo và vùng biển; hỗ trợ một số địa phương có điều kiện và yêu cầu cấp bách để phát triển nghề cá xa bờ ở các vùng biển có yêu cầu tăng cường sự có mặt dân sự để làm chủ và quản lý, bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia.

- Các địa phương huy động thêm các nguồn vốn khác để đảm bảo tiến độ và hiệu quả, đạt mục tiêu của chương trình.

b) Mức vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Căn cứ vào khả năng cân đối vốn đầu tư hàng năm, nhu cầu vốn của các Bộ, ngành, địa phương đề xuất, khả năng nguồn vốn Chương trình Biển Đông - Hải đảo trong năm kế hoạch, Ban Chỉ đạo nhà nước về Biển Đông và các hải đảo thông qua chủ trương đầu tư đối với từng chương trình, dự án.

- Bố trí đủ vốn cho các công trình, dự án do Trung ương quản lý.
 - Hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng mức đầu tư/dự án đối với các tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương.
 - Hỗ trợ tối đa không quá 90% tổng mức đầu tư/dự án đối với các tỉnh nhận bổ sung trong cân đối từ ngân sách trung ương.
- c) Vốn chương trình Biển Đông - Hải đảo phải bố trí đúng mục tiêu, đối tượng, phạm vi và quy mô dự án được duyệt. Những chương trình dự án vượt thời gian, mở rộng quy mô phải được cấp có thẩm quyền đồng ý về chủ trương mới được tiếp tục hỗ trợ đầu tư. Trường hợp Bộ, ngành, địa phương tự quyết định mở rộng quy mô đầu tư của dự án thì phải tự cân đối vốn để thực hiện đối với phần mở rộng so với chủ trương ban đầu.

10. Hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng bền vững

Thực hiện theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 và Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

a) Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Dự án được phê duyệt, đang thực hiện, có đủ các thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành.
- Theo quy hoạch diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất đã được phê duyệt.
- Theo quy hoạch diện tích đất trồng để trồng rừng đã được phê duyệt.
- Theo diện tích rừng được quy hoạch cần khoanh nuôi, bảo vệ đã được phê duyệt.
- Tập trung đầu tư các tỉnh vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và duyên hải miền Trung do khu vực này các địa phương có nhiều diện tích đất trồng đồi núi trọc phải trồng rừng, hoặc cần nhiều rừng bảo vệ, trong đó đặc biệt ưu tiên vùng Tây Bắc. Trong các vùng ưu tiên các tỉnh nghèo.
- Đầu tư rừng ngập mặn ven biển và phòng hộ biên giới.

b) Về định mức:

- Trồng rừng phòng hộ đặc dụng: tối đa 15 triệu đồng/ha (mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định).

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bình quân 3 triệu đồng/ha (mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định).

- Khuyến khích xây dựng nhà máy chế biến gỗ để tiêu thụ gỗ rừng trồng cho các tỉnh Tây Bắc: hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm được tính từ nhà máy xuống trung tâm tiêu thụ chính là Hà Nội mức hỗ trợ 1.000 đồng/tấn/km trong 5 năm đầu tiên xây dựng nhà máy.

- Khoán quản lý bảo vệ rừng bình quân 200.000 đồng/ha/năm (mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định).

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có kết hợp trồng bổ sung 1 triệu đồng/ha/6 năm (năm đầu 500.000 đồng/ha).

- Xây dựng cơ sở hạ tầng 10% tổng vốn.

- Vốn quản lý 10% vốn lâm sinh (chủ dự án 8%, tỉnh 1,3%, trung ương 0,7%).

- Hỗ trợ nhà máy chế biến gỗ MDF năng lực ≥ 30.000 m³/năm trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Bắc 20 tỷ đồng/nhà máy/tỉnh.

11. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia

Thực hiện các mục tiêu của Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010 và Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2007 hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia.

Tập trung vốn để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra đến năm 2010 chưa hoàn thành về xóa đói, giảm nghèo, đưa dân trở lại biên giới theo quy hoạch và kế hoạch, bảo đảm điều kiện sản xuất và sinh hoạt an toàn, biên giới không còn thôn, bản trống dân; cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống đường vành đai biên giới, đường giao thông nội bộ các xã biên giới, đường tuần tra và quản lý biên giới theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; phát triển giao lưu kinh tế biên giới, dịch vụ xuất khẩu hàng hoá và du lịch cho cả nước; đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

12. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng vùng ATK

Thực hiện theo Quyết định số 229/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ các vùng an toàn khu.

Phạm vi, đối tượng đầu tư:

- Đầu tư cho các vùng ATK theo Quyết định số 229/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ là các vùng ATK do Bộ Quốc phòng quản lý.

- Phạm vi mỗi vùng ATK do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Đầu tư cho Bộ Quốc phòng để xây dựng, cải tạo, duy tu, sửa chữa, bảo vệ, quản lý các công trình ATK sẵn sàng đưa vào sử dụng.

- Đầu tư cho các địa phương có vùng ATK để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân vùng ATK để nhân dân yên tâm, gắn bó với quê hương, chăm lo bảo vệ căn cứ của trung ương. Bao gồm các nội dung: đường liên huyện, liên xã; hệ thống thủy lợi, cấp nước; hệ thống cấp điện (thuộc địa phương quản lý); trường học, trạm xá, trung tâm y tế; nhà văn hóa, trụ sở;...

13. Chương trình quản lý, bảo vệ biên giới đất liền

a) Đối tượng đầu tư:

- Bộ Quốc phòng xây dựng các đồn, trạm biên phòng, hệ thống cấp điện, cấp nước sinh hoạt cho đồn biên phòng gần với cụm dân cư, cơ sở hạ tầng các Khu kinh tế quốc phòng (khu vực các xã biên giới).

- Địa phương:

+ Xây dựng cụm dân cư gần với đồn biên phòng mới thành lập, mới di chuyển;

+ Xây dựng một số tuyến giao thông trọng yếu phục vụ quản lý, bảo vệ biên giới kết hợp nhu cầu cấp bách kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn (các tuyến không thuộc quy hoạch hệ thống đường tuần tra biên giới của Bộ Quốc phòng);

+ Kè bờ sông suối biên giới trọng yếu, kè bảo vệ chân cột mốc quốc giới.

b) Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu:

- Chỉ bố trí vốn đầu tư hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các dự án đã có trong quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

- Các dự án có đủ thủ tục đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thuộc địa bàn trọng điểm về quốc phòng an ninh trên tuyến biên giới đất liền.

14. Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý

a) Nguyên tắc hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý từ ngân sách trung ương:

- Chỉ hỗ trợ vốn đối ứng cho các dự án được giao trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm do các địa phương trực tiếp quản lý, làm chủ dự án; hiệp định, văn kiện dự án đã được ký với nhà tài trợ hoặc các địa phương làm đầu mối thanh toán vốn nước ngoài.

- Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển được cân đối trong ngân sách nhà nước (gồm cả dự án vay và viện trợ không hoàn lại), không bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp và các dự án cho vay lại.

- Đối với các dự án ODA tổng hợp (gồm nhiều lĩnh vực, nhiều cấu phần), chỉ hỗ trợ phần đầu tư phát triển.

b) Tiêu chí và mức vốn hỗ trợ: căn cứ khả năng cân đối vốn đầu tư phát triển hàng năm, ưu tiên hỗ trợ vốn đối ứng cho các dự án ODA thuộc lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, giao thông, phát triển nông nghiệp nông thôn, cơ sở hạ tầng nông thôn, y tế, và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường. Mức hỗ trợ cho từng địa phương theo tiêu chí sau:

- Các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối trên 70% được hỗ trợ tối đa không quá 90% mức vốn đối ứng của một dự án.

- Các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối từ 50% đến 70% được hỗ trợ tối đa không quá 70% mức vốn đối ứng của một dự án.

- Các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối dưới 50% được hỗ trợ tối đa không quá 50% mức vốn đối ứng của một dự án.

- Không hỗ trợ vốn đối ứng cho các dự án ODA của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có điều tiết về ngân sách trung ương.

15. Hỗ trợ đầu tư các trung tâm giáo dục, lao động xã hội

a) Nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho ngân sách địa phương, không đầu tư cho toàn bộ dự án.
- Các dự án phải có trong quy hoạch, có đầy đủ thủ tục đầu tư.
- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế khởi công mới.
- Ưu tiên bố trí vốn cho những địa phương có số lượng người nghiện cao, các tỉnh miền núi trọng điểm về tệ nạn ma túy, nhưng các cơ sở cai nghiện chỉ đáp ứng một phần nhu cầu.

b) Mức hỗ trợ đầu tư có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối trên 70% thì được hỗ trợ không quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án.
- Các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối từ 50% đến 70% thì được hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư của dự án.
- Các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối dưới 50% thì được hỗ trợ không quá 30% tổng vốn đầu tư của dự án.
- Không hỗ trợ cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương.

16. Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh

a) Nguyên tắc và đối tượng hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Các bệnh viện chuyên khoa và cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện.
- Các dự án phải trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đầy đủ thủ tục đầu tư.
- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm kế hoạch; hạn chế tối đa việc khởi công mới.
- Chỉ bố trí vốn đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở đã đáp ứng được về cơ sở hạ tầng, nhà cửa và con người, nhưng chưa đủ thiết bị.
- Không bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các dự án thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

b) Mức hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên được ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 70% vốn xây lắp, 100% vốn để mua sắm trang thiết bị.

- Các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ ở các tỉnh còn lại có nguồn thu ngân sách nhà nước mức hỗ trợ không quá 50% vốn xây lắp, 70% vốn để mua sắm trang thiết bị.

- Không hỗ trợ cho các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương.

17. Hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách địa phương không cân đối được

a) Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Các công trình, dự án do bộ, ngành và địa phương quản lý được lãnh đạo Đảng và Nhà nước yêu cầu bố trí vốn đầu tư hàng năm.

- Dự án có trong quy hoạch được phê duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư.

b) Mức hỗ trợ nguồn vốn ngân sách trung ương: căn cứ vào khả năng cân đối vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ:

- Không quá 50% tổng mức đầu tư một dự án đối với các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương.

- Không quá 90% tổng mức đầu tư một dự án đối với các tỉnh nhận hỗ trợ có mục tiêu trong cân đối của ngân sách trung ương.

- Theo mức vốn đã được lãnh đạo Đảng và Nhà nước quyết định.

18. Chương trình tìm kiếm cứu nạn

Thực hiện theo Quyết định số 46/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

a) Nguyên tắc bố trí vốn:

- Các dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 46/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 và Quyết định số 1656/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án phải có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Căn cứ vào khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước hàng năm, ưu tiên cho các dự án chuyển tiếp.

b) Đối tượng đầu tư: triển khai các dự án sản xuất, mua sắm trang thiết bị chuyên dụng, thường xuyên và dự trữ tại phụ lục II, III ban hành kèm theo Quyết định số 46/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 và Quyết định số 1656/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007.

19. Đầu tư theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp

*Thực hiện theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về hệ thống tư pháp theo các nguyên tắc dưới đây:

- Các dự án đầu tư theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005.

- Các dự án phải nằm trong quy hoạch tổng thể đầu tư xây dựng trụ sở các cơ quan tư pháp giai đoạn 2011 - 2015.

- Các dự án phải có đầy đủ thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình, dự án bị xuống cấp nghiêm trọng, không an toàn cho người sử dụng, diện tích làm việc đạt dưới 70% so với tiêu chuẩn, định mức quy định về sử dụng trụ sở làm việc.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình chuyển tiếp để đảm bảo thời gian hoàn thành dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm.

20. Hỗ trợ đầu tư xây dựng các trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Đối tượng hỗ trợ:

Đầu tư xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã của các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách hàng năm.

b) Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu chương trình:

- Bố trí vốn cho các dự án có trong quy hoạch, có đủ thủ tục đầu tư.
- Ưu tiên hỗ trợ các xã, phường, thị trấn mới chia tách, các xã chưa có trụ sở hiện vẫn phải đi thuê địa điểm làm việc; trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường bị xuống cấp nghiêm trọng, không an toàn cho người sử dụng.
- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyên tiếp.
- c) Mức vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương:
 - Đối với trụ sở các Ủy ban nhân dân xã ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng bãi ngang ven biển hỗ trợ 100%.
 - Đối với trụ sở các xã còn lại hỗ trợ 70%.

21. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch

- a) Đối tượng hỗ trợ:
 - Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các khu du lịch phát huy hiệu quả và để khách du lịch tiếp cận các khu du lịch.
 - Hỗ trợ đầu tư các dự án hạ tầng du lịch nhằm khai thác các điểm du lịch có khả năng thu hút nhiều khách du lịch từ các trung tâm du lịch tới các vùng phụ cận.
 - Hỗ trợ đầu tư các dự án hạ tầng du lịch tại các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng miền Trung - Tây Nguyên và trung du miền núi phía Bắc.
- b) Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu chương trình:
 - Số lượng dự án hạ tầng du lịch được hỗ trợ hàng năm của mỗi địa phương không quá 3 dự án. Không hỗ trợ khởi công dự án mới khi các dự án đang được hỗ trợ chưa hoàn thành.
 - Các dự án được hỗ trợ phải nằm trong quy hoạch phát triển du lịch quốc gia hoặc của địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.
 - Ưu tiên hỗ trợ dự án hạ tầng du lịch tại các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia, khu du lịch địa phương.

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư dự án hạ tầng du lịch gắn với các điểm, tuyến du lịch thuộc các tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng sâu, vùng xa, các địa phương có tiềm năng du lịch nhưng khó khăn về ngân sách.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Các dự án xây dựng đường giao thông từ trục chính đến khu du lịch.
- Các dự án cấp điện hạ thế phục vụ du lịch.
- Các dự án cấp thoát nước, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.
- Các dự án xây dựng bến cảng du lịch; chống xói mòn cửa sông, biển, bảo vệ tôn tạo tài nguyên du lịch tại các khu du lịch.

d) Mức vốn hỗ trợ:

Đối với các địa phương có khu du lịch quốc gia, hoặc có 02 điểm du lịch quốc gia trở lên, hoặc các tỉnh, thành phố là trung tâm phát triển du lịch thuộc địa bàn trọng điểm quốc gia phát triển du lịch, tổng mức hỗ trợ hàng năm không quá 80% nhu cầu hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch.

Đối với các địa phương có điểm du lịch quốc gia hoặc khu du lịch địa phương, tổng mức hỗ trợ hàng năm không quá 75% nhu cầu hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch.

Đối với các địa phương có điểm du lịch địa phương và thuộc địa bàn khó khăn, hàng năm nhận bổ sung ngân sách từ Trung ương, tổng mức hỗ trợ hàng năm không quá 70% nhu cầu hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch.

đ) Mức hỗ trợ cho từng dự án:

- Đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương, tổng mức hỗ trợ cho mỗi dự án không quá 50% tổng dự toán xây lắp.

- Đối với các địa phương nhận bổ sung trong cân đối từ ngân sách trung ương tổng mức hỗ trợ cho mỗi dự án không quá 80% tổng dự toán xây lắp./.